

Số: 601/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ sinh thái tại phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang, chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án xây dựng đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ sinh thái tại phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ sinh thái tại phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 25/5/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 178/TTr-HĐTD-ĐTM ngày 26 tháng 5 năm 2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ sinh thái tại phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã được chỉnh sửa, bổ sung, gửi kèm văn bản số 42/CV-CT ngày 14/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng An Tường ECO;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ sinh thái tại phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng An Tường ECO với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (*phối hợp với Ủy ban nhân dân phường An Tường tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường*).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng An Tường ECO; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHHĐT&XD An Tường ECO; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TĐ Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên: KS;
- Lưu VT, (Đ 30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Thực

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÀ DỊCH VỤ SINH THÁI TẠI PHƯỜNG AN TƯỜNG, THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ sinh thái tại phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Tổ 1, tổ 5 phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng An Tường ECO.

- Đại diện: Ông Phạm Văn Tuyền, Chức vụ: Giám đốc.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: Số 192, phố Lý Nam Đế, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án

- Vị trí, phạm vi ranh giới quy hoạch:

+ Phía Đông giáp đường bê tông liên thôn.

+ Phía Tây giáp khu dân cư.

+ Phía Nam giáp khu dân cư.

+ Phía Bắc giáp khu nghĩa trang và đất trồng màu.

- Diện tích quy hoạch: 20,0 ha (200.000m²), bao gồm:

+ Đất xây dựng khu điều hành, giới thiệu sản phẩm: 1.580 m²;

+ Đất xây dựng khu ẩm thực: 4.067 m²;

+ Đất khu thể thao: 10.614 m²;

+ Đất bãi đỗ xe: 1.908 m²;

+ Đất xây dựng khu nghỉ dưỡng, tỉnh dưỡng: 675 m²;

+ Đất khu vui chơi, nghỉ dưỡng: 1.862 m²;

+ Đất khu nhà kính: 18.412 m²;

+ Đất trồng cây ăn quả, cây xanh: 69.070 m²;

+ Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản, thủy lợi: 79.350 m²;

+ Đất đường giao thông nội bộ, hạ tầng kỹ thuật: 12.471 m²

- Tổng mức đầu tư (theo dự án của chủ đầu tư): 120.000.000.000 đồng.

1.5. Các hạng mục công trình chính của Dự án

a) Khu nhà điều hành, bảo vệ, giới thiệu sản phẩm

- Khối nhà điều hành và nhà ở cán bộ, công nhân viên, được thiết kế xây dựng 02 tầng, kết cấu BTCT, bước cột 3,4 m; rộng 5,2 m; chiều cao tầng 1 là 3,9 m; tầng 2 là 3,6 m.

- Khu nhà bảo vệ kết hợp nhà giới thiệu sản phẩm có kết cấu BTCT 01 tầng, bước cột 3,6 m; rộng 5,5 m; cao 3,9 m.

b) Khu ẩm thực

- Khu ẩm thực 1 (AT1): Diện tích xây dựng khoảng 3.467 m², được thiết kế theo kiến trúc hiện đại 02 tầng, kết cấu BTCT, mái bê tông lợp chống nóng bằng tôn, nền lát gạch ceramic.

- Khu ẩm thực 2 (AT2): Diện tích xây dựng khoảng 600 m², được thiết kế theo kiến trúc hiện đại 02 tầng, kết cấu BTCT, mái bê tông lợp chống nóng bằng tôn, nền lát gạch ceramic.

c) Khu thể thao: Diện tích xây dựng khoảng 10.614 m², bao gồm các công trình: 01 sân tập golf, 01 bể bơi, 03 sân bóng đá mini, 01 nhà phụ trợ thể thao.

d) Khu nhà tinh dưỡng

- Khu tinh dưỡng 1 (TL1): Diện tích xây dựng khoảng 200 m², được thiết kế xây dựng nhà 02 tầng, mỗi tầng có chiều cao 3,5 m.

- Khu tinh dưỡng 2 (TL2): Diện tích xây dựng khoảng 75 m², được thiết kế xây dựng nhà 01 tầng có chiều cao 3,5 m; đỉnh mái chóp cao 6,7 m.

- Khu tinh dưỡng 3 và 4 (TL3, TL4): Diện tích xây dựng khoảng 40 m²/khu, được thiết kế xây dựng nhà 01 tầng có chiều cao 3,5 m.

e) Khu vui chơi, nghỉ dưỡng: Diện tích khoảng 1.862 m², được thiết kế xây dựng nhà 02 tầng với kiến trúc hiện đại.

f) Khu nhà kính, nhà màng: Diện tích xây dựng khoảng 18.412 m² bao gồm nhà màng và các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp.

g) Khu nuôi trồng thủy sản: Gồm 03 hồ sinh thái kết hợp nuôi trồng thủy sản có diện tích khoảng 79.350 m².

h) Hệ thống cây xanh và cây ăn quả: Trồng cây xanh tạo bóng mát (cây đinh, lát, muồng hoa vàng...) kết hợp trồng cây ăn quả xen kẽ với các khu chức năng của Dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

a) Các tác động môi trường chính trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng.

- Tác động do nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị.

- Tác động do nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn.

- Tác động do chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành hoạt động

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

- Tác động do nước thải sinh hoạt từ hoạt động dịch vụ của Dự án.

- Tác động do nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn.

- Tác động do chất thải rắn, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Khối lượng nước thải sinh hoạt: Khoảng 95,5 m³/ngày đêm.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý phù hợp mà xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng phát thải: Khoảng 200 kg/ngày.

- Thành phần: Chủ yếu là chất thải vô cơ như bao, bì nylon và chất thải hữu cơ như thức ăn dư thừa,...

b) Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất nông nghiệp

- Khối lượng phát thải: Khoảng 100 kg/năm.

- Thành phần: Chủ yếu là bao bì phân bón, dung dịch dinh dưỡng không nhiễm chất thải nguy hại.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Khối lượng CTNH: Khoảng 47,5 kg/năm.

- Thành phần: Chủ yếu gồm bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải, vỏ bao bì phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bóng đèn, mực in...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Các công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt 02 nhà vệ sinh lưu động, loại 300 lít.

+ Thời gian thực hiện: Trong suốt thời gian thi công xây dựng.

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

+ Thi công xây dựng các bể cát tại các tiêu lưu vực thoát nước mưa dự kiến và xây dựng hệ thống thoát nước tạm thời trong quá trình thi công xây dựng.

+ Thời gian thực hiện: Trong suốt thời gian thi công xây dựng.

b) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Tiến hành phun nước tưới ẩm ngay tại công trường nơi có phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày.

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu và thân thiện với môi trường.

c) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 03 thùng rác loại 200lit để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý định kỳ 1- 2 ngày/lần.

- Thời gian thực hiện: Trong suốt thời gian thi công xây dựng.

d) Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Tại khu vực bảo dưỡng máy móc thiết bị bố trí các thùng chứa loại 20 lít để lưu chứa chất thải nguy hại.

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm chất thải nguy hại có mái che, diện tích khoảng 10 m².

- Sau khi kết thúc hoạt động thi công, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy CTNH theo quy định.

e) Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng còi hơi và các hoạt động gây ồn có mức > 78dBA từ 22 giờ đến 6 giờ sáng khi hoạt động gần các khu vực dân cư.

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn cho các máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, máy nén khí ...

g) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn về điện, cháy, nổ, an toàn lao động.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với thời tiết bất thường như lũ ống, lũ quét.

3.2. Công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn vận hành, hoạt động

a) Công trình xử lý nước thải

- Xây dựng, lắp đặt 01 bể tách dầu mỡ 03 ngăn với dung tích 6,0m³ tại khu vực nhà bếp để xử lý sơ bộ nước thải trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm.

+ Công nghệ xử lý: Gồm các công đoạn: Nước thải → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học → Bể lắng → Bể khử trùng → xả thải ra suối.

+ Quy chuẩn so sánh, đối chiếu: QVCN 14:2008/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Sử dụng các xe phun nước tưới đường nhằm làm sạch bụi trên các tuyến giao thông nội bộ.

- Tại khu vực nhà bếp lắp đặt hệ thống các chụp hút, máy hút khử mùi.

- Tại nhà để máy phát điện dự phòng, trang bị quạt thông gió.

c) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

- Trang bị thùng đựng rác có nắp đậy (thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng rác thải vô cơ) đặt tại các khu chức năng của Dự án.

- Bố trí khu vực trung chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Thuê đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý 1- 2 ngày/lần.

d) Công trình thu gom, quản lý chất thải nguy hại

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại trước khi đi xử lý, tiêu hủy.

- Thực hiện báo cáo định kỳ công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, có giấy phép thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Xây dựng, lắp đặt 01 bể tách dầu mỡ 03 ngăn với dung tích 6,0 m³ tại khu vực nhà bếp để xử lý sơ bộ nước thải trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm.

+ Công nghệ xử lý: Gồm các công đoạn: Nước thải → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học → Bể lắng → Bể khử trùng → xả thải ra suối.

+ Quy chuẩn so sánh, đối chiếu: QVCN 14:2008/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Chương trình giám sát môi trường nước

- Số lượng mẫu quan trắc: 03 mẫu.

- Vị trí giám sát: Mẫu nước tại hồ 1, hồ 3 và nước suối khu vực tiếp nhận nước mặt của Dự án.

- Thông số giám sát: pH, TSS, DO, BOD₅, COD, tổng số Coliform.

- Quy chuẩn so sánh, đối chiếu: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, cho đến khi kết thúc xây dựng.

b) Giám sát bụi, khí thải, tiếng ồn

- Số lượng mẫu quan trắc: 03 mẫu.

- Vị trí giám sát: (1) Cổng ra vào dự án; (2) Khu vực xây dựng nhà kính; (3) Khu vực xây dựng khu thể thao.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi lơ lửng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2011/BTNMT.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần, cho đến khi kết thúc xây dựng.

c) *Giám sát môi trường đất*

- *Số lượng mẫu:* 03 mẫu.

- *Vị trí giám sát:* Mẫu đất tại khu nhà kính, mẫu đất dự kiến trồng cây ăn quả (AQ1), mẫu đất dự kiến trồng cây ăn quả (AQ4).

- *Thông số giám sát:* pH_{KCl}, tổng N, tổng P, Fe, Cu, Pb, Cd, Cr, As, hóa chất BVTV.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần, cho đến khi kết thúc xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất (đất nông nghiệp).

5.2. Giai đoạn vận hành hoạt động

a) *Chương trình giám sát môi trường nước*

* Đối với nước thải

- *Số lượng mẫu quan trắc:* 01 mẫu.

- *Vị trí giám sát:* Điểm xả nước thải sau Hệ thống XLNT ra suối Móc Giăng.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng; pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, Tổng chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ và Coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B (Hệ số k = 1)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

* Đối với nước mặt

- *Số lượng mẫu:* 02 mẫu.

- *Vị trí giám sát:* Mẫu nước mặt tại hồ 3 và nước suối tại vị trí tiếp nhận nước thải của Dự án.

- *Thông số giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, PO₄³⁻, As, Hg, Coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

b) *Giám sát môi trường không khí*

- *Số lượng mẫu*: 03 mẫu.

- *Vị trí giám sát*: (1) Khu vực nhà kính, nhà màng của dự án; (2) Bếp ăn của khu ẩm thực AT1; (3) Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi lơ lửng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh, đối chiếu*: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

c) Chương trình giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (CTNH)

- *Các vấn đề cần giám sát*: Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ rác thải sinh hoạt và cách thức xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại;

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP về Quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại.

- *Tần suất giám sát*: Tổng hợp 1 lần/năm.

d) Giám sát khác

- An toàn lao động: Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

- An toàn giao thông: Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

- Sự cố cháy nổ: Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

- Giám sát công tác quản lý CTR: Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

- Giám sát kiểm tra công tác thực hiện vệ sinh và an toàn lao động. Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

- Giám sát hệ thống cấp thoát nước: Tần suất thực hiện: 01 tháng/lần.

6. Các điều kiện kèm theo

6.1. Trước khi dự án đi vào vận hành hoạt động, chủ dự án phải thiết kế, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

6.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi dự án đi vào vận hành hoạt động.

6.5. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.
